

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 07/5/2020

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Ngô Thị Luân

+ Bà Trần Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 381/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX - ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 02/2020/TB-MPT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số nhà 43, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Đào Văn D sinh năm: 1951

Địa chỉ: Số nhà 108, tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt còn ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông D xây dựng gia đình với nhau năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà bị bệnh nhưng ông D không quan tâm chăm sóc, không tôn trọng bà, ông D không tin tưởng bà trong việc chi tiêu hàng ngày.

Vợ chồng đã ly thân từ tháng khoảng tháng 9/2019 cho đến nay, bà T đã về nhà riêng không còn chung sống với ông D nữa. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông D nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà T xác định không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Văn D trình bày: ông D và bà T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tình nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt nên không hòa giải được, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông D nhưng ông D không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D, còn ông D vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có nên không xem xét. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Đào Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D xây dựng gia đình với nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/12/2005. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà T làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông D, hiện vợ chồng sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không quan tâm đến nhau nên bà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn ông D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời

khai của mình ông D xác định mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông D không lớn, chủ yếu do vợ chồng không tin tưởng nhau trong việc quản lý chi tiêu trong gia đình nhưng lại không tìm được biện pháp để cải thiện nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông D không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D vắng mặt và gửi đơn trình bày vì lý do sức khỏe không thể đến Tòa án được nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Ngoài ra, do ông D không đồng ý ly hôn nên Tòa án đã thông báo yêu cầu ông D cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ thể hiện rõ mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nhưng ông D không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông D là có căn cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa ông D lại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo kết quả xác minh tại nơi bà T và ông D sinh sống thì được biết do bất đồng quan điểm nên hiện nay bà T và ông D không còn chung sống với nhau. Do đó nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, xử cho bà T và ông D được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T, xử cho bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Đào Văn D được ly hôn.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007059 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà T đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (07/5/2020), còn ông D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh